

Thử thách

– **Tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài.

– HS **làm** bài theo nhóm đôi.

HS có thể lấy các thẻ theo đề bài rồi thực hiện.

• **Lấy thẻ:** 24 thẻ nghìn, 15 thẻ trăm, 3 thẻ chục và 8 thẻ đơn vị.

• **Gộp thẻ** (từ hàng thấp đến hàng cao).

+ 10 trăm thay bằng 1 nghìn.

+ Thêm 1 thẻ nghìn nên có 25 thẻ nghìn. Cứ 10 thẻ nghìn thay bằng 1 thẻ chục nghìn.

• Có 2 chục nghìn, 5 nghìn, 5 trăm, 3 chục và 8 đơn vị.

CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Lập số: Đếm, tổng hợp các chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị.

– Đọc số, viết số, cấu tạo thập phân của số. Xác định vị trí các số trên tia số.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến giá trị các chữ số theo hàng.

2. **Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. **Tích hợp:** Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Bộ đồ dùng học số, hình vẽ Vui học (nếu cần).

HS: Bộ đồ dùng học số.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi chuyển tải nội dung:

– Xác định mỗi chữ số ở hàng nào.

Ví dụ: 63270

Chữ số 6 ở hàng chục nghìn;

Chữ số 3 ở hàng nghìn; ...

– Quan hệ giữa các hàng.

1 trăm nghìn = 10 chục nghìn;

1 chục nghìn = 10 nghìn; ...

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số có năm chữ số

– Lập số.

Hoạt động nhóm đôi.

- HS **quan sát** hình ảnh trong phần Bài học, **nhận biết** khối nghìn, bảng trăm, thanh chục, khối đơn vị.
- HS **đếm** và **thông báo**.
 - + 4 chục nghìn. (GV viết 4 ở hàng chục nghìn.)
 - + 5 nghìn. (GV viết 5 ở hàng nghìn.)
 - + 2 trăm. (GV viết 2 ở hàng trăm.)
 - + 7 chục. (GV viết 7 ở hàng chục.)
 - + 3 đơn vị. (GV viết 3 ở hàng đơn vị.)
- GV nói: Có 4 chục nghìn, 5 nghìn, 2 trăm, 7 chục và 3 đơn vị.
Ta có số bốn mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi ba.

– Đọc số, viết số.

- GV viết trên bảng lớp, HS **viết** trên bảng con: 45273.
- HS đọc: Bốn mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi ba.

– Viết số thành tổng theo các hàng.

GV viết trên bảng lớp, HS **viết** trên bảng con:

$$45273 = 40000 + 5000 + 200 + 70 + 3$$

2. Thực hành

Bài 1: 10 000 1000 100 10 1

– GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu:

- **Viết** số 21459 ra bảng con.
 - **Phân tích** cấu tạo thập phân của số:
21459 gồm 2 chục nghìn, 1 nghìn, 4 trăm, 5 chục và 9 đơn vị.
 - HS vừa **nói** vừa **lấy thẻ**: 2 thẻ chục nghìn, 1 thẻ nghìn, 4 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 9 thẻ đơn vị.
 - **Kiểm tra** đồ dùng học tập theo số ban đầu: 21 459.
- HS (nhóm đôi) **thực hiện** theo mẫu với các câu a); b) và c).
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- GV giới thiệu bảng các số.
- GV hướng dẫn HS thực hiện mẫu.
- Hàng thứ nhất:
 - + GV đọc số “năm mươi nghìn tám trăm sáu mươi bảy”.

+ HS viết số 50 867 vào bảng con.

+ Phân tích số.

GV nói: Có 5 chục nghìn, 0 nghìn, 8 trăm, 6 chục và 7 đơn vị (GV vừa nói, vừa chỉ tay vào các chữ số ở các cột chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị).

HS **chỉ tay** vào từng chữ số của số đã viết (50 867) để **nói** giá trị của từng chữ số.



- Hàng thứ hai: chín mươi hai nghìn không trăm linh một.

HS tự **thực hiện** theo trình tự trên.

- Hàng thứ ba: 13 105.

+ GV **viết số** lên bảng lớp, HS **đọc số**.

+ HS **nói** giá trị mỗi chữ số của số 13 105.

- HS **thực hiện** các hàng còn lại.

- Khi sửa bài, có thể yêu cầu HS:

- **Đọc số.**
- **Viết số.**
- **Nói** giá trị các chữ số của số cụ thể, khuyến khích HS **giải thích** tại sao lại viết số đó.

Bài 2:

- HS (nhóm bốn) **đọc yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ rồi đọc số.**

- Sửa bài: HS trình bày theo yêu cầu của GV (GV treo bảng số).

HS **đọc nối tiếp**, mỗi em **đọc 1 hàng số (10 số).**

- Đọc các số từ 89 991 đến 90 000.
- Đọc các số từ 90 001 đến 90 010.
- Đọc các số từ 90 011 đến 90 020.

- GV nhắc lại cách đọc các số đặc biệt (các số có chữ số 0; các số tận cùng là 1; 4; 5).

Bài 3:

- GV hướng dẫn HS **thực hiện** mẫu:

- Viết số 24 042 ra bảng con.
- Phân tích số: Số gồm 2 chục nghìn, 4 nghìn, 4 chục và 2 đơn vị.
- Viết số thành tổng: $24\,042 = 20\,000 + 4\,000 + 40 + 2$

- HS **làm** bài theo nhóm đôi.

- Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS **nói**.

Bài 4:

- HS làm cá nhân theo mẫu, chia sẻ với bạn bên cạnh.

- GV sửa bài và nêu nhận xét.

Bài 5:

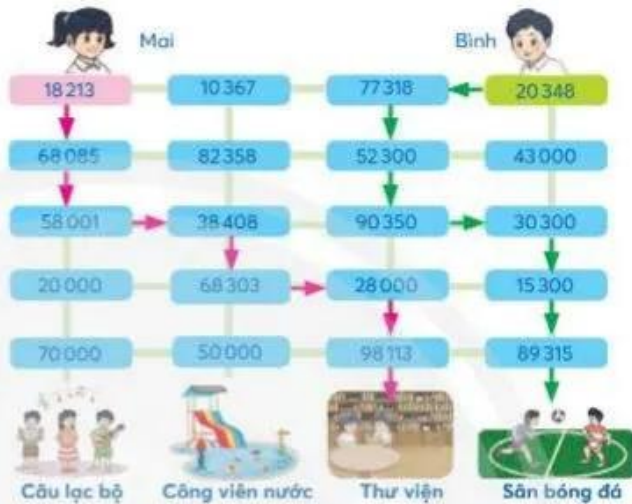
- Nhóm đôi **tim hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu của bài.
- HS **thảo luận**, tìm cách thực hiện. Các em **nhận biết**:
 Các số trên từng tia số là các số: tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn.
- Khi sửa bài, GV yêu cầu HS **đọc** xuôi, ngược, **đọc** số bất kì trên tia số.

Vui học

HS thảo luận để tìm đúng đường đi cho bạn Mai và bạn Bình.

- HS (nhóm đôi) **tim hiểu** bài, **nhận biết**:

- Mai đi theo các số có chữ số **8** ở hàng nghìn.
- Bình đi theo các số có chữ số **3** ở hàng trăm.
- Khi sửa bài, GV có thể treo hình vẽ lên bảng lớp, cho HS trình bày.
- Mai đi đến **thư viện**.
- Bình đi đến **sân bóng đá**.



SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Khái quát hoá cách so sánh các số có năm chữ số theo hàng.
- Thực hiện so sánh các số có năm chữ số.
- Xếp thứ tự nhóm không quá bốn số trên tia số.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan việc so sánh số.
- Làm tròn số đến hàng chục nghìn.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: Bộ đồ dùng học số.